

Vietnam Daily Review

Điều chỉnh nhẹ

Dự đoán xu hướng thị trường

	Tiêu cực	Trung lập	Tích cực
Ngày 14/10/2021		•	
Tuần 11/10-15/10/2021		•	
Tháng 10/2021		•	

Nhận định:

Thị trường cơ sở: Thị trường giao dịch giằng co trong gần hết phiên giao dịch nhưng đã đảo chiều giảm điểm vào cuối phiên. Dòng tiền đầu tư co cụm vào 1 số ngành nhất định khi có 10/19 ngành tăng điểm. Các nhóm đóng góp vào đà tăng điểm của thị trường là: Hóa chất, Ô tô và phụ tùng và Bán lẻ. Thanh khoản thị trường suy giảm và độ rộng thị trường tiêu cực cho thấy đà tăng đã suy yếu. Trong khi đó, khối ngoại bán ròng trên sàn HSX và mua ròng tại sàn HNX. Với xu hướng tích lũy trong vùng 1380-1400 điểm tiếp tục, BSC khuyến nghị các nhà đầu tư nên hạn chế giao dịch và có thể cân nhắc chốt lãi 1 số cổ phiếu đã tăng giá tốt trong thời gian qua.

Hợp đồng tương lai: Các HĐTL đều điều chỉnh nhẹ theo chỉ số cơ sở. Nhà đầu tư có thể cân nhắc những nhịp cạnh bán cho các hợp đồng ngắn hạn.

Chứng quyền: Trong phiên giao dịch ngày 13/10/2021, các chứng quyền đang có dấu hiệu phân hóa khi thị trường đi ngang. Giá trị giao dịch giảm nhẹ.

Phân tích kỹ thuật: VNP_Tích cực (Trang 2)

Điểm nhấn

- VN-Index **-2.89** điểm, đóng cửa **1,391.91** điểm. HNX-Index **+3.66** điểm, đóng cửa **379.34** điểm.
- Kéo chỉ số tăng: **BCM (+0.51)**, **SSB (+0.42)**, **MWG (+0.34)**, **GVR (+0.32)**, **DCM (+0.30)**.
- Kéo chỉ số giảm: **VHM (-1.02)**, **MSN (-0.73)**, **TCB (-0.55)**, **GAS (-0.50)**, **PLX (-0.39)**.
- Giá trị khớp lệnh của VN-Index đạt **17,504** tỷ đồng, **-13.7%** so với phiên trước. Tổng giá trị giao dịch đạt mức 18,788 tỷ đồng.
- Biên độ dao động là 11 điểm. Thị trường có **195** mã tăng, 60 mã tham chiếu và **208** mã giảm.
- Giá trị bán ròng của khối ngoại: **-520,48** tỷ đồng trên sàn HOSE, gồm **HPG (-149.28 tỷ)**, **SSI (-69.81)**, **VNM (-66.21 tỷ)**. Khối ngoại mua ròng trên sàn HNX với giá trị **9,55** tỷ đồng.

BSC RESEARCH

Trưởng phòng

Trần Thăng Long

longtt@bsc.com.vn

Nhóm Vĩ mô & Thị trường

Bùi Nguyên Khoa

khoabn@bsc.com.vn

Lê Quốc Trung

trunglq@bsc.com.vn

Tô Quang Vinh

vinhtq@bsc.com.vn

VN-INDEX

1391.91

Giá trị: 17504.12 tỷ

-2.89 (-0.21%)

Khối ngoại (ròng): -520.48 tỷ

HNX-INDEX

379.34

Giá trị: 1883.97 tỷ

3.66 (0.97%)

Khối ngoại (ròng): 9.55 tỷ

UPCOM-INDEX

98.78

Giá trị: 1522.86 tỷ

-0.03 (-0.03%)

Khối ngoại (ròng): -4.02 tỷ

Thông số vĩ mô

	Giá trị	%
Giá dầu	80.4	-0.27%
Giá vàng	1,768	0.44%
Tỷ giá USD/VND	22,762	0.06%
Tỷ giá EUR/VND	26,295	0.22%
Tỷ giá JPY/VND	20,056	0.07%
LS liên NH 1 tháng	1.1%	11.15%
LS TPCP 5 năm	1.0%	0.00%

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Top giao dịch khối ngoại (tỷ đồng)

Top mua	Giá trị	Top bán	Giá trị
HAH	84.2	HPG	-149.3
VRE	44.4	SSI	-69.8
HDG	31.0	VNM	-66.2
MBB	25.3	PAN	-60.3
LPB	23.3	VHM	-59.1

Nguồn: BSC Research

Mục lục

Tổng quan thị trường	Trang 1
Tin hiệu cổ phiếu	Trang 2
Khuyến nghị ngắn hạn	Trang 3
Thị trường phái sinh	Trang 4
Danh mục cổ phiếu hàng đầu	Trang 5
Thống kê thị trường	Trang 6
Khuyến nghị dài hạn	Trang 7
Báo cáo mới nhất	Trang 8
Khuyến cáo sử dụng	Trang 9

Phân tích kỹ thuật
VNP_Tích cực

Điểm nhấn kỹ thuật:

- Xu hướng hiện tại: Hồi phục.
- Chỉ báo xu hướng MACD: Phân kỳ dương, MACD đang có tín hiệu đảo chiều.
- Chỉ báo RSI: vùng trung lập, xu hướng tăng.

Nhận định: VNP nằm trong xu hướng hồi phục về ngưỡng 26.0 Thanh khoản cổ phiếu đã vượt lên ngưỡng trung bình 20 phiên, đồng thuận với đà tăng giá của cổ phiếu. Chỉ báo RSI ủng hộ xu hướng hồi phục trong khi chỉ báo MACD sắp xác nhận đà tăng. Đường giá cổ phiếu hồi cũng đã cắt lên MA20 đang báo hiệu xu hướng hồi phục tích cực. Nhà đầu tư có thể mở vị thế tại ngưỡng 22.5, chốt lãi tại ngưỡng 25.0 và cắt lỗ nếu cổ phiếu mất ngưỡng hỗ trợ ngắn hạn 21.5.



Nguồn: BSC, PTKT Itrade

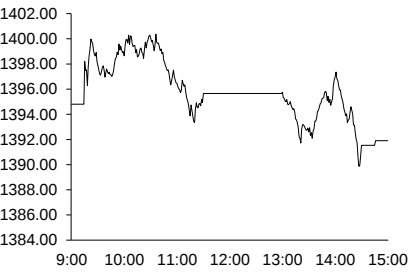
Bảng 1

Vận động ngành trong ngày

Ngành	±%
Hóa chất	1.33%
Ô tô và phụ tùng	0.86%
Bán lẻ	0.62%
Xây dựng và Vật liệu	0.40%
Công nghệ Thông tin	0.40%
Truyền thông	0.37%
Bất động sản	0.26%
Hàng cá nhân & Gia dụng	0.19%
Y tế	0.07%
Du lịch và Giải trí	0.04%
Viễn thông	0.00%
Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	-0.25%
Ngân hàng	-0.35%
Tài nguyên Cơ bản	-0.47%
Bảo hiểm	-0.55%
Thực phẩm và đồ uống	-0.55%
Dịch vụ tài chính	-0.65%
Điện, nước & xăng dầu khí đốt	-0.83%
Dầu khí	-1.47%

Hình 1

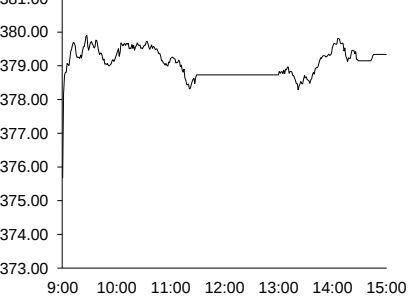
HSX-Index Intraday



Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Hình 2

HNX-Index Intraday



Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Danh sách cổ phiếu khuyến nghị cho nhà đầu tư ngắn hạn

Thống kê các khuyến nghị chưa đóng vị thế

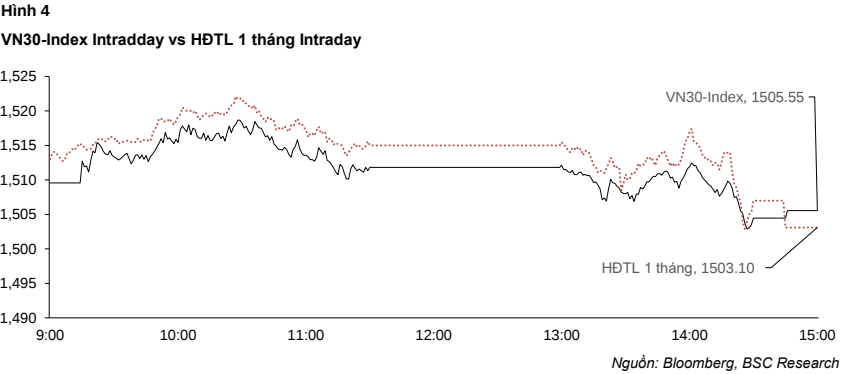
Ngày ra báo cáo	Mã CK	Giá ngày ra báo cáo	Giá chốt lời	Giá cắt lỗ	Giá hiện tại	Số ngày nắm giữ	Lãi / Lỗ	Khuyến nghị hiện tại
10/12/2021	NSH	18.7	20.8	17.5	18.6	1	-0.53%	Có thể giữ nguyên vị thế
10/11/2021	VHM	81	88	79.5	80	2	-1.23%	Có thể giữ nguyên vị thế
10/8/2021	VSC	62.5	70	60	61	5	-2.40%	Có thể giữ nguyên vị thế
10/7/2021	TIP	43.3	48	41	42.5	6	-1.85%	Có thể giữ nguyên vị thế
10/6/2021	DRC	33.7	37	31.3	33.4	7	-0.89%	Có thể giữ nguyên vị thế
10/5/2021	VGC	34.65	38.5	32.5	34.25	8	-1.15%	Có thể tiếp tục mua
10/4/2021	GVR	37.1	44.5	36	37.5	9	1.08%	Có thể tiếp tục mua
10/1/2021	CII	18.5	20.5	17.7	18.85	12	1.89%	Có thể tiếp tục mua
9/30/2021	EVG	12.15	14	11.2	11.8	13	-2.88%	Có thể giữ nguyên vị thế
9/29/2021	NT2	20.8	23.5	20	22.15	14	6.49%	Có thể tiếp tục mua
9/28/2021	HPG	52.6	61.2	50.2	56.8	15	7.98%	Có thể tiếp tục mua
9/20/2021	VNM	88.7	95	85	90.1	23	1.58%	Có thể giữ nguyên vị thế
9/15/2021	VRE	28.55	32	27	30.4	28	6.48%	Có thể tiếp tục mua
9/13/2021	KDH	41.25	45.5	39.5	43.55	30	5.58%	Có thể tiếp tục mua
9/9/2021	AST	51.8	60	48.5	57.7	34	11.39%	Có thể tiếp tục mua
8/31/2021	PVS	24.96	30.84	23.61	28.8	43	15.38%	Có thể tiếp tục mua
8/17/2021	POM	15.9	20	14	17.6	57	10.69%	Có thể tiếp tục mua
8/12/2021	FCN	13.35	17	12.15	15.65	62	17.23%	Có thể tiếp tục mua
Chú thích:		(*) Trạng thái kỹ thuật không tốt				(**) Tiệm cận giá mục tiêu		

Thống kê các khuyến nghị đã đóng vị thế

Ngày ra báo cáo	Mã CK	Giá ngày ra báo cáo	Giá chốt lời	Giá cắt lỗ	Trạng thái	Số ngày nắm giữ	Lãi / Lỗ
24/9/21	TCH	18.05	21	17	SL	17	-5.82%
23/9/21	LHG	50.8	59	48.5	SL	5	-4.53%
22/9/21	PNJ	93.1	100.2	90.8	SL	6	-2.47%
21/9/21	MIG	25.75	29.5	23.75	SL	6	-7.77%
17/9/21	PTB	105.9	115.4	98.45	TP	14	8.97%
16/9/21	BMI	35.8	38	34	TP	5	6.15%
14/9/21	PXS	6.24	7.2	5.8	TP	9	15.38%
8/9/2021	SGT	22.6	26.5	19.75	TP	7	17.26%
7/9/2021	HVN	22.1	25	20.5	TP	3	13.12%
6/9/2021	HAX	23.15	27.5	21.5	SL	3	-7.13%
1/9/2021	PHP	33.2	40.5	27	SL	8	-18.67%
30/8/21	APH	53.7	67	47	SL	10	-12.48%
27/8/21	HBC	13.81	16.19	12.86	TP	38	17.23%
26/8/21	VTO	10.15	12	9.3	TP	12	18.23%
Chú thích: Thống kê 15 mã đóng vị thế gần nhất				TP - Đã chốt lời SL - Đã cắt lỗ		FS - Đóng vị thế sớm	

Thống kê	Số khuyến nghị lãi	Số khuyến nghị lỗ	Hiệu suất lãi	Hiệu suất lỗ	Hiệu suất bình quân	Năm giữ bình quân
Cổ phiếu chưa chốt	11	7	7.80%	-1.56%	4.16%	21
Cổ phiếu đã chốt	190	128	14.07%	-7.87%	5.24%	25

Thị trường hợp đồng tương lai



Bảng 4

Hợp đồng tương lai

CK	Đóng	± Ngày	± Basis	%KL	KLGD	Đáo hạn	Số ngày*
VN30F2110	1503.10	-0.46%	-2.45	8.4%	173,438	10/21/2021	10
VN30F2111	1499.50	-0.27%	-6.05	56.1%	712	11/18/2021	38
VN30F2112	1495.60	-0.21%	-9.95	86.2%	54	12/16/2021	66
VN30F2203	1497.20	-0.05%	-8.35	30.8%	34	3/17/2022	157

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Nhận định:

- VN30 giảm nhẹ -4.02 điểm xuống 1505.55 điểm. Các cổ phiếu chủ chốt như TCB, MSN, STB, VHM, VHM tác động tiêu cực đến vận động giảm của VN30. VN30 duy trì sắc xanh trong phiên sáng nhưng đảo chiều giảm vào phiên chiều. VN30 nhiều khả năng sẽ duy trì nhịp tích lũy quanh ngưỡng 1500 điểm.
- Các HĐTL đều điều chỉnh nhẹ theo chỉ số cơ sở. Xét về khối lượng giao dịch, các hợp đồng đều tăng theo. Xét về vị thế mở, chỉ có VN30F2110 và VN30F2203 suy giảm. Xu hướng vận động thị trường khó dự đoán khiến các nhà đầu tư đóng vị thế tại VN30F2110 theo chiều hướng short. Nhà đầu tư có thể cân nhắc những nhịp cạnh bán cho các hợp đồng ngắn hạn.

Thị trường chứng quyền có bảo đảm

Mã	Đáo hạn	Số ngày	CR	KLGD	Độ lệch chuẩn	Giá phát hành	Giá CQ	± Ngày	Giá Lý thuyết*	Price/ Value	Giá hòa vốn	Giá thực hiện	Giá CKCS
CPNJ2105	1/6/2022	85	4:1	873,300	31.11%	3,300	2,490	15.81%	2,003	1.24	26,000	9,500	101,000
CMWG2107	1/6/2022	85	5:1	551,100	35.74%	6,600	8,430	5.24%	318	26.52	198,000	165,000	133,900
CMWG2106	1/7/2022	86	10:1	883,200	35.74%	3,000	3,990	5.00%	56	70.83	210,000	180,000	133,900
CFPT2103	1/7/2022	86	5:1	378,600	31.49%	3,000	2,820	3.68%	1,260	2.24	115,000	100,000	99,400
CMWG2104	3/22/2022	160	5:1	278,400	35.74%	2,400	7,480	1.36%	1,339	5.59	159,000	135,000	133,900
CHPG2110	12/6/2021	54	5:1	373,400	37.12%	2,400	3,130	0.32%	2,640	1.19	56,000	44,000	56,800
CFPT2105	1/6/2022	85	4.95:1	608,100	31.49%	3,500	4,020	0.00%	3,273	1.23	103,500	86,000	99,400
CHPG2113	3/7/2022	145	4:1	402,700	37.12%	2,400	3,300	0.00%	2,184	1.51	61,100	51,500	56,800
CVPB2108	7/3/2022	263	5:1	1,120,600	37.83%	2,200	2,350	-0.42%	9	255.71	75,500	64,500	36,850
CHPG2109	1/10/2022	89	1:1	154,100	37.12%	4,000	8,100	-0.49%	5,390	1.50	59,000	55,000	56,800
CHPG2111	1/6/2022	85	5:1	750,300	37.12%	1,700	2,760	-1.08%	2,020	1.37	56,500	48,000	56,800
CVHM2107	1/6/2022	85	5:1	373,000	33.48%	3,900	2,830	-2.08%	33	85.71	129,500	110,000	80,000
CVPB2106	1/19/2022	98	5:1	423,700	37.83%	2,500	2,270	-2.99%	1	1,732.82	77,500	65,000	36,850
CVRE2106	1/6/2022	85	2:1	975,600	38.77%	2,300	2,230	-3.04%	1,891	1.18	39,500	28,000	30,400
CTCB2109	3/7/2022	145	4:1	1,878,000	38.01%	2,200	2,520	-4.18%	1,671	1.51	58,800	50,000	52,400
CVHM2110	3/7/2022	145	7.59:1	4,013,200	33.48%	1,800	1,290	-4.44%	698	1.85	98,654	84,994	80,000
CVNM2109	1/6/2022	85	5:1	771,000	25.24%	2,150	1,600	-4.76%	561	2.85	105,750	95,000	90,100
CVRE2109	3/7/2022	145	4:1	1,324,500	38.77%	1,100	1,290	-5.15%	984	1.31	33,400	29,000	30,400
CSTB2109	3/7/2022	145	2:1	683,300	45.21%	2,300	1,690	-5.59%	1,059	1.60	33,600	29,000	26,250
CMSN2105	1/6/2022	85	5:1	591,100	40.19%	5,000	4,630	-6.09%	4,135	1.12	153,000	128,000	143,100
Tổng				16,533,900	35.96%**								
Chú thích:				Bảng bao gồm các chứng quyền có giá trị giao dịch nhiều nhất						CR: Tỷ lệ chuyển đổi			
				Lãi suất phi rủi ro là 4.75%						Số ngày: Số ngày đến thời điểm đáo hạn			
				**Trung bình độ lệch chuẩn						*Giá lý thuyết được tính theo công thức Black-Scholes			

Nhận định:

- Trong phiên giao dịch ngày 13/10/2021, các chứng quyền đang có dấu hiệu phân hóa khi thị trường đi ngang. Giá trị giao dịch giảm nhẹ.
- CPNJ2105 và CKDH2106 tăng mạnh lần lượt là 15.81% và 10.09%. Giá trị giao dịch giảm -7.09%. CVHM2110 có giá trị giao dịch nhiều nhất, chiếm 9.12% thị trường.
- CVNL2103, CVPB2105, và CVPB2106 là những chứng quyền có giá trị gần nhất với giá lý thuyết. CMWG2104, CHPG2109, và CHPG2111 là những chứng quyền tích cực nhất xét về tỷ suất sinh lời. CMSN2105, CFPT2105, và CVJC2101 là những chứng quyền tích cực nhất xét về tình trạng lãi.

Tô Quang Vinh

vinhtq@bsc.com.vn

Bảng 2

Top tăng điểm VN30

CK	Giá	±giá (%)	Index pt
MWG	133.90	1.36	0.93
VPB	36.85	0.41	0.48
PDR	90.60	2.37	0.45
VJC	133.90	1.06	0.42
FPT	99.40	0.40	0.34

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Bảng 3

Top giảm điểm VN30

CK	Giá	±giá (%)	Index pt
TCB	52.4	-1.13	-1.52
MSN	143.1	-1.65	-1.10
VHM	80.0	-1.11	-0.86
STB	26.3	-1.32	-0.67
HPG	56.8	-0.35	-0.55

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Danh mục cổ phiếu đầu ngành

Mã	Ngành	Giá đóng cửa (nghìn VND)	% Ngày	Beta	Vốn hóa (Tr USD)	Thanh khoản (tr USD)	EPS (VND)	P/E	P/B	NN sở hữu	ROE
MWG	Bán lẻ	133.9	1.4%	0.9	4,150	11.0	6,428	20.8	5.2	49.0%	27.3%
PNJ	Bán lẻ	101.0	1.0%	1.0	998	2.1	5,812	17.4	4.0	48.3%	25.3%
BVH	Bảo hiểm	60.0	-3.1%	1.4	1,936	4.1	2,522	23.8	2.1	26.6%	9.2%
PVI	Bảo hiểm	45.7	-0.4%	0.5	444	2.0	3,491	13.1	1.4	55.4%	10.8%
VIC	Bất động sản	93.1	0.2%	0.7	15,403	10.5	1,767	52.7	3.9	13.8%	7.7%
VRE	Bất động sản	30.4	-1.3%	1.1	3,003	6.3	1,195	25.4	2.3	29.8%	9.3%
VHM	Bất động sản	80.0	-1.1%	1.0	15,146	18.4	7,714	10.4	3.6	22.9%	40.2%
DXG	Bất động sản	21.5	-0.9%	1.3	557	4.5	1,379		1.5	28.9%	11.0%
SSI	Chứng khoán	41.0	-1.0%	1.5	1,752	13.0	1,861	22.0	3.6	44.6%	16.5%
VCI	Chứng khoán	61.2	-0.8%	1.0	886	6.8	3,466	17.7	3.8	20.2%	25.4%
HCM	Chứng khoán	37.9	-1.6%	1.6	754	5.4	2,210	17.1	3.2	47.5%	19.4%
FPT	Công nghệ	99.4	0.4%	0.9	3,922	14.1	4,234	23.5	5.4	49.0%	24.1%
FOX	Công nghệ	82.0	0.2%	0.4	1,171	0.1	4,304	19.1	5.7	0.0%	30.0%
GAS	Dầu khí	111.0	-0.9%	1.3	9,237	8.6	4,077	27.2	4.5	2.6%	16.2%
PLX	Dầu khí	53.8	-2.2%	1.5	2,972	4.2	3,216	16.7	2.7	17.6%	17.9%
PVS	Dầu khí	28.8	-1.4%	1.7	598	7.1	1,136	25.4	1.1	8.0%	4.4%
BSR	Dầu khí	22.6	-0.4%	0.8	3,047	11.5	(909)		2.3	41.1%	-8.7%
DHG	Dược	99.5	1.2%	0.3	566	0.0	5,761	17.3	3.8	54.4%	22.8%
DPM	Hóa chất	40.2	5.0%	0.8	684	22.0	2,903	13.8	1.8	9.6%	13.6%
DCM	Hóa chất	31.1	6.9%	0.7	715	12.1	1,169	26.6	2.5	3.9%	9.4%
VCB	Ngân hàng	97.0	0.0%	1.1	15,642	6.0	5,534	17.5	3.4	23.5%	21.1%
BID	Ngân hàng	39.9	-0.9%	1.3	6,977	2.5	2,464	16.2	2.0	16.6%	12.6%
CTG	Ngân hàng	30.7	-0.3%	1.3	6,415	9.4	3,417	9.0	1.6	24.4%	19.0%
VPB	Ngân hàng	36.9	0.4%	1.2	7,122	9.0	2,807	13.1	2.7	15.4%	23.0%
MBB	Ngân hàng	28.6	-0.5%	1.2	4,698	12.3	2,764	10.3	2.0	23.2%	21.5%
ACB	Ngân hàng	32.6	0.0%	1.0	3,830	5.3	3,589	9.1	2.2	30.0%	27.2%
BMP	Nhựa	53.0	0.0%	0.7	189	0.2	4,762	11.1	1.9	83.5%	16.4%
NTP	Nhựa	51.2	1.6%	0.4	262	0.1	4,085	12.5	2.2	18.7%	18.3%
MSR	Tài nguyên	25.0	0.0%	0.7	1,195	1.1	39	641.0	2.0	10.1%	0.3%
HPG	Thép	56.8	-0.4%	1.1	11,046	38.6	5,616	10.1	3.4	25.4%	39.8%
HSG	Thép	48.1	-0.5%	1.4	1,032	14.7	7,745	6.2	2.4	11.7%	47.9%
VNM	Tiêu dùng	90.1	-0.3%	0.6	8,187	15.0	4,572	19.7	6.0	54.8%	30.9%
SAB	Tiêu dùng	161.0	-1.2%	0.8	4,489	1.1	7,293	22.1	5.0	62.7%	24.3%
MSN	Tiêu dùng	143.1	-1.6%	0.9	7,345	7.2	1,787	80.1	7.9	32.3%	9.4%
SBT	Tiêu dùng	21.8	0.0%	1.2	596	3.5	951	22.9	1.7	8.6%	7.4%
ACV	Vận tải	86.8	-1.0%	0.8	8,216	0.3	577	150.4	5.0	3.7%	3.4%
VJC	Vận tải	133.9	1.1%	1.1	3,153	4.7	279		4.3	17.6%	0.9%
HVN	Vận tải	26.5	-0.9%	1.7	2,551	0.7	(7,644)		N/A	N/A	-155.4%
GMD	Vận tải	50.5	0.0%	1.0	662	7.8	1,357	37.2	2.5	40.9%	6.7%
PVT	Vận tải	24.6	-0.6%	1.4	345	3.8	2,487	9.9	1.6	13.8%	17.0%
VCS	Vật liệu xây dựng	128.2	-1.2%	0.9	892	1.1	9,519	13.5	4.8	3.7%	44.7%
VGC	Vật liệu xây dựng	34.3	-1.4%	0.4	668	0.9	2,098	16.3	2.4	4.2%	14.4%
HT1	Vật liệu xây dựng	24.8	-0.2%	0.9	411	4.0	1,653	15.0	1.7	3.2%	11.3%
CTD	Xây dựng	70.0	0.7%	1.0	225	0.3	2,005	34.9	0.6	44.8%	1.8%
CII	Xây dựng	18.9	-0.5%	0.6	196	2.3	127	148.6	0.9	21.8%	0.6%
REE	Điện	73.0	0.8%	-1.4	981	2.3	5,807	12.6	1.8	49.0%	15.8%
PC1	Điện	39.6	1.3%	-0.4	329	3.6	3,445	11.5	1.7	7.6%	17.5%
POW	Điện	12.5	-1.6%	0.6	1,273	8.3	1,079	11.6	1.0	3.0%	8.7%
NT2	Điện	22.2	0.7%	0.5	277	1.0	1,093	20.3	1.5	13.6%	7.3%
KBC	Khu công nghiệp	46.1	1.5%	1.1	1,142	16.5	1,808	25.5	2.1	17.2%	8.6%
BCM	Khu công nghiệp	46.5	4%	1.0	2,093	0.7			3.1	1.9%	

Thống kê thị trường

Top 5 cổ phiếu tác động tăng lên VN-Index				
CK	Giá	%	Index pt	KLGD
BCM	46.50	4.03	0.49	329500
SSB	37.05	3.25	0.41	2.70MLN
MWG	133.90	1.36	0.34	1.89MLN
DCM	31.05	6.88	0.28	9.26MLN
PDR	90.60	2.37	0.27	5.47MLN

Top 5 cổ phiếu tác động giảm lên VN-Index				
CK	Giá	7/4/20	Index pt	KLGD
VHM	0.00	-1.04	5.26MLN	1.11MLN
MSN	0.00	-0.75	1.14MLN	607060
TCB	0.00	-0.56	14.19MLN	373600
GAS	0.00	-0.51	1.79MLN	192700
PLX	0.00	-0.41	1.77MLN	611640

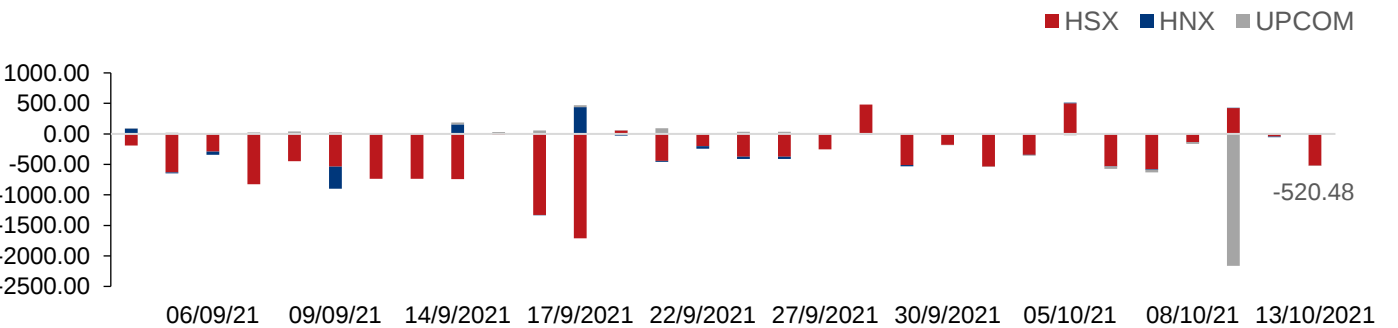
Top 5 cổ phiếu tăng mạnh nhất trên HSX				
CK	Giá	%	Index pt	KLGD
ITD	23.70	7.00	0.01	1.48MLN
HSL	8.57	6.99	0.00	541700
CLW	31.45	6.97	0.01	1000
RIC	19.95	6.97	0.01	24100
HAR	6.63	6.94	0.01	610300

Top 5 cổ phiếu giảm mạnh nhất trên HSX				
CK	Giá	%	Index pt	KLGD
LAF	15.50	-6.06	0.00	600
SSC	41.90	-5.42	-0.01	1200
BMC	26.90	-4.27	0.00	166100.00
TCO	30.00	-4.15	-0.01	220000
LCM	3.06	-3.77	0.00	230200

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Hình 3

Giao dịch khối ngoại



Nguồn: HSX, HNX, BSC Research

Danh mục khuyến nghị đầu tư dài hạn

STT	Mã	Ngành	Khuyến nghị	Ngày ra báo cáo	Giá ngày ra báo cáo	Giá mục tiêu	Giá hiện tại	EPS	P/E	P/B	Link tài báo cáo
1	ACB	Ngân hàng	Mua	25/2/21	31.7	41.5	32.6	3,589	9.1	2.2	Click
2	AGG	Bất động sản	Mua	19/5/21	47.2	62.1					Click
3	ANV	Thủy sản	Mua	27/6/21	32.4	38.7	31.2	1,686	18.5	1.6	Click
4	C4G	Xây dựng	Mua	14/12/20	10.2	12.9	11.7	566	20.7	1.1	Click
5	CEO	Bất động sản	Theo dõi	7/6/21	10.8	12.5	10.8	-411		1.0	Click
6	CSV	Hóa chất	Theo dõi	22/3/21	32.8	40.0	50.7	3,949	12.8	2.1	Click
7	CTG	Ngân hàng	Mua	25/2/21	37.1	49.4	30.7	3,417	9.0	1.6	Click
8	DBC	Bán lẻ	Theo dõi	16/9/21	62.9	71.3	56.8	10,677	5.3	1.4	Click
9	DCM	Phân bón	Mua	4/1/21	17.5	21.1	31.1	1168.9	26.6	2.5	Click
10	DGC	Hóa chất	Mua	27/7/21	72.8	96.5	161.6	5,868	27.5	6.2	Click
11	DGW	Bán lẻ	Mua	25/2/21	92.1	110.3	113.9	4,602	24.7	7.2	Click
12	DPG	Bất động sản	Theo dõi	10/6/21	39.3	N/a	64.0	4,905	13.0	3.4	Click
13	DPM	Hóa chất	Mua	11/3/21	19.1	23.0	40.2	2,903	13.8	1.8	Click
14	DRC	Săm lốp	Mua	18/5/21	26.2	32.8	33.4	2,868	11.6	2.3	Click
15	DXG	Bất động sản	Mua	11/5/21	23.4	30.2	21.5	1,379		1.5	Click
16	FPT	Viễn thông	Mua	18/8/21	93.8	107.0	99.4	4,234	23.5	5.4	Click
17	GAS	Dầu khí	mua	6/9/21	90.4	109.4	111.0	4,077	27.2	4.5	Click
18	GVR	Khu công nghiệp	Mua	9/12/20	20.1	23.6	37.5	1,180	31.8	3.1	Click
19	HPG	VLXD	Mua	25/5/21	65.4	76.5	56.8	5,616	10.1	3.4	Click
20	HSG	VLXD	Mua	14/5/21	37.4	47.8	48.1	7,745	6.2	2.4	Click
21	HUT	Xây dựng	Theo dõi	21/5/21	6.5	7.6	10.3	-1,169		1.0	Click
22	ITD	Công nghệ	Mua	17/9/21	19.9	22.0	23.7	1,860	12.7	1.6	Click
23	KDH	Bất động sản	Theo dõi	31/8/21	39.8	n/a	43.6	1,966	22.2	3.1	Click
24	LHG	Bất động sản	Theo dõi	22/7/21	49.2	55.7	55.0	6,776	8.1	1.9	Click
25	MSH	Dệt may	Mua	13/5/21	50.6	66.4	87.6	6,547	13.4	3.1	Click
26	MWG	Bán lẻ	Mua	28/12/20	118.9	140.4	133.9	6,428	20.8	5.2	Click
27	NKG	Thép	Theo dõi	1/9/21	39.5	46.5	48.6	6,786	7.2	2.3	Click
28	NLG	Bất động sản	Mua	5/8/21	43.8	46.4	44.5	3,926	11.3	2.0	Click
29	NT2	Điện	Theo dõi	9/9/21	21.7	24.7	22.2	1,093	20.3	1.5	Click
30	PC1	Điện	Mua	7/6/21	26.8	32.8	39.6	3,445	11.5	1.7	Click
31	PNJ	Tiêu dùng	Mua	2/3/21	84.7	100.4	101.0	5,812	17.4	4.0	Click
32	POW	Điện	Theo dõi	18/5/21	12.0	13.8	12.5	1,079	11.6	1.0	Click
33	PVD	Dầu khí	Mua	5/3/21	25.3	29.6	24.6	0	1117.6	0.8	Click
34	PVS	Dầu khí	Mua	18/11/20	15.6	18.3	28.8	1,136	25.4	1.1	Click
35	SBT	Đường	Mua	26/3/21	22.7	27.6	21.8	951	22.9	1.7	Click
36	SGP	Cảng biển	Mua	13/7/21	21.1	25.0	37.8	1,064	35.5	3.9	Click
37	SMC	VLXD	Mua	13/5/21	39.6	48.6	54.5	15635.6	3.5	1.5	Click
38	TCB	Ngân hàng	Theo dõi	25/2/21	39.8	52.0	52.4	4,613	11.4	2.2	Click
39	VCB	Ngân hàng	Theo dõi	25/2/21	100.0	131.8	97.0	5,534	17.5	3.4	Click
40	VGT	Dệt may	Theo dõi	21/5/21	16.8	19.0	21.3	570	37.4	1.7	Click
41	VHC	Thủy sản	Mua	6/9/21	49.6	61.0	57.6	4,035	14.3	1.9	Click
42	VHM	Bất động sản	Mua	30/11/20	82.6	102.4	80.0	7,714	10.4	3.6	Click
43	VNM	Bán lẻ	Mua	19/8/21	90.0	105.6	90.1	4,572	19.7	6.0	Click
44	VPB	Ngân hàng	Mua	29/12/20	33.0	40.0	36.9	2,807	13.1	2.7	Click
45	VRE	Bất động sản	Theo dõi	16/8/21	28.1	34.1	30.4	1,195	25.4	2.3	Click
46	VSC	Cảng biển	Mua	10/9/21	63.8	77.0	61.0	5,006	12.2	1.8	Click
47	VTP	Viễn thông	Theo dõi	28/4/21	80.5	87.1	82.0	3,256	25.2	7.0	Click



Danh sách các báo cáo đặc biệt BSC đã phát hành gần đây

STT	Tên báo cáo	Phân tích vĩ mô	Phân tích ngành	Link tải báo cáo
1	Vĩ mô Thị trường Quý III 2021	x		Click
2	Vĩ mô & Thị trường Tháng 8.2021	x		Click
3	Quan hệ thương mại và đầu tư của Hoa Kỳ và Việt Nam	x		Click
4	BSC_Vietnam Sector Outlook_VN_3Q2021		x	Click
5	Vĩ mô & Thị trường Tháng 7.2021	x		Click
6	Covid làn sóng thứ 4	x		Click
7	Vĩ mô & Thị trường Quý 2.2021	x		Click
8	Vĩ mô & Thị trường Tháng 5.2021	x		Click
9	XU HƯỚNG GIÁ HÀNG HÓA THẾ GIỚI	x		Click
10	BSC_Vietnam Sector Outlook_VN_2Q2021		x	Click
11	Vĩ mô & Thị trường Tháng 4.2021	x		Click
12	Triển vọng ngành Dệt May 2021		x	Click
13	Vĩ mô & Thị trường Quý 1.2021	x		Click
14	Triển vọng ngành dầu khí 2021		x	Click
15	Vĩ mô & Thị trường Tháng 2.2021	x		Click
16	Banking Sector Outlook		x	Click
17	Báo cáo cập nhật kết quả kinh doanh 2020		x	Click
18	Vĩ mô & Thị trường Tháng 1.2021	x		Click
19	Vietnam Sector Outlook 2021		x	Click
20	Vietnam Macro Market Outlook 2021	x		Click
21	Triển vọng ngành tiêu dùng bán lẻ 2021		x	Click
22	Cơ hội từ đẩy mạnh giải ngân đầu tư công	x		Click
23	Vĩ mô & Thị trường Tháng 11.2020	x		Click
24	Triển vọng ngành khu công nghiệp 2021		x	Click
25	Vietnam Sector Outlook 4Q2020		x	Click
26	Triển vọng ngành Bất động sản 2021		x	Click
27	Luật VAT Sửa đổi cho ngành phân bón		x	Click
28	Vĩ mô & Thị trường Tháng 10.2020	x		Click
29	Bầu cử Hoa Kỳ 2020	x		Click
30	Fishery Outlook 2021		x	Click
31	Cơ hội thu hút dòng tiền của Việt Nam sau MSCI Review	x		Click
32	Báo cáo Triển vọng ngành thép 2020		x	Click
33	Vĩ mô Thị trường quý 3.2020	x		Click
34	Vĩ Mô Thị trường tháng 8.2020	x		Click
35	Chemical sector Outlook 2H.2020		x	Click
36	Banking sector Outlook 2H.2020		x	Click
37	BSC_Covid làn sóng thứ 2 (Cập nhật lần 4)	x		Click
38	BSC_Vietnam Sector Outlook_3Q2020		x	Click
39	Vĩ Mô & Thị Trường Tháng 7.2020	x		Click
40	Vĩ Mô Thị Trường Quý II	x		Click

Khuyến cáo sử dụng

Bản báo cáo này của Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Đầu tư và phát triển Việt Nam (BSC), chỉ cung cấp những thông tin chung và phân tích về tình hình kinh tế vĩ mô cũng như diễn biến thị trường chứng khoán trong ngày. Báo cáo này không được xây dựng để cung cấp theo yêu cầu của bất kỳ tổ chức hay cá nhân riêng lẻ nào hoặc các quyết định mua bán, nắm giữ chứng khoán. Nhà đầu tư chỉ nên sử dụng các thông tin, phân tích, bình luận của Bản báo cáo như là nguồn tham khảo trước khi đưa ra những quyết định đầu tư cho riêng mình. Mọi thông tin, nhận định và dự báo và quan điểm trong báo cáo này được dựa trên những nguồn dữ liệu đáng tin cậy. Tuy nhiên Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng đầu tư và phát triển Việt Nam (BSC) không đảm bảo rằng các nguồn thông tin này là hoàn toàn chính xác và không chịu bất kỳ một trách nhiệm nào đối với tính chính xác của những thông tin được đề cập đến trong báo cáo này, cũng như không chịu trách nhiệm về những thiệt hại đối với việc sử dụng toàn bộ hay một phần nội dung của bản báo cáo này. Mọi quan điểm cũng như nhận định được đề cập trong báo cáo này dựa trên sự cân nhắc cẩn trọng, công minh và hợp lý nhất trong hiện tại. Tuy nhiên những quan điểm, nhận định này có thể thay đổi mà không cần báo trước. Bản báo cáo này có bản quyền và là tài sản của Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam (BSC). Mọi hành vi sao chép, sửa đổi, in ấn mà không có sự đồng ý của BSC đều trái luật. Bất kỳ nội dung nào của tài liệu này cũng không được (i) sao chụp hay nhân bản ở bất kỳ hình thức hay phương thức nào hoặc (ii) được cung cấp nếu không được sự chấp thuận của Công ty Cổ phần Chứng khoán BIDV.

BSC Trụ sở chính

Tầng 10 & 11 Tháp BIDV
35 Hàng Vôi, Hoàn Kiếm, Hà Nội
Tel: +84 4 3935 2722
Fax: +84 4 2220 0669

BSC Chi nhánh Hồ Chí Minh

Tầng 9 Tòa nhà 146 Nguyễn Công Trứ
Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh
Tel: +84 8 3821 8885
Fax: +84 8 3821 8510

<http://www.bsc.com.vn>
Bloomberg: RESP BSCV <GO>



Đối với Phân tích Nghiên cứu
Phòng Phân tích Nghiên cứu
hn.ptnc@bsc.com.vn
(+84) 39352722 - Ext 108

Đối với Khách hàng tổ chức
Phòng TVĐT và môi giới KHTC
hn.tvdt.khtc@bsc.com.vn
(+84)2439264659

Đối với Khách hàng cá nhân
Trung tâm tư vấn i-Center
i-center@bsc.com.vn
(+84)2437173639